**Phụ lục II**

**Tình hình tổ chức bộ máy và nhân sự tại các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh, huyện thuộc nguồn nộp lưu**

*(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh)*

**1. Tại các cơ quan, tổ chức cấp tỉnh thuộc nguồn nộp lưu: 69 cơ quan gửi báo cáo/69 cơ quan phải báo cáo**

**(**các sở báo cáo số liệu tại Sở và số liệu của đơn vị trực thuộc)

| **STT** | **Tên cơ quan, tổ chức** |  | | **Số lượng đào tạo đúng chuyên ngành văn thư, lưu trữ** | | | | | | **Số lượng đào tạo chuyên ngành khác** | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Người làm lưu trữ chuyên trách** | **Người làm lưu trữ kiêm nhiệm** | **Tổng** | **>ĐH** | **ĐH** | **CĐ** | **Trung cấp** | **Sơ cấp** | **Tổng** | **> ĐH** | **ĐH** | **CĐ** | **Trung cấp** | **Sơ cấp** | **Tên chuyên ngành khác** |
| 1 | Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, HĐND tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh (40) | 10 | 30 | 11 |  | 04 | 01 | 06 |  | 29 |  | 23 | 01 | 04 | 01 | - Đại học: Thư viện Thông tin; Luật; Kinh tế; Quản lý văn hóa; Quản trị kinh doanh; Tài chính Ngân hàng; Hành chính.  - Cao đẳng Hành chính văn phòng.  - Trung cấp Tin học. |
| 2 | Các đơn vị trực thuộc cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh có chức năng quản lý nhà nước (16) |  | 16 |  |  |  |  |  |  | 16 |  | 14 | 01 | 01 |  | - Đại học: Hành chính; Việt Nam học; Xã hội học; Công nghệ thực phẩm; Công nghệ thông tin; Luật; Kinh tế; Chế biến Thủy sản; Địa lý môi trường.  - Cao đẳng Trồng trọt, BVTV.  - Trung cấp CNTT. |
| 3 | Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh (10) | 02 | 08 | 03 |  | 02 |  | 01 |  | 08 |  | 05 | 01 | 01 |  | - Đại học: Luật, Hành chính; Tài chính Ngân hàng.  - Cao đẳng Kế toán.  - Trung cấp Kế toán. |
| 4 | Các doanh nghiệp nhà nước thuộc nguồn nộp lưu tài liệu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh (04) |  | 04 |  |  |  |  |  |  | 04 |  | 03 |  | 01 |  | - Đại học Kinh tế; Công nghệ thông tin.  - Trung cấp Kế toán. |
| 5 | Các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội; tổ chức xã hội nghề nghiệp cấp tỉnh hoạt động bằng ngân sách nhà nước (15) |  | 15 |  |  |  |  |  |  | 15 |  | 09 |  | 05 | 01 | - Đại học:Anh văn; Công nghệ sinh; Sư phạm; Kỹ thuật in; Kế toán; Công nghệ thông tin.  - Trung cấp Dược; Y học cổ truyền; Kế toán. |

**2. Tại các cơ quan, tổ chức cấp huyện thuộc nguồn nộp lưu (11 huyện, thành phố, thị xã gửi báo cáo/11 huyện, thành phố, thị xã phải báo cáo)**

| **STT** | **Tên cơ quan, tổ chức** |  | | **Số lượng đào tạo đúng chuyên ngành văn thư, lưu trữ** | | | | | | **Số lượng đào tạo chuyên ngành khác** | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Người làm lưu trữ chuyên trách** | **Người làm lưu trữ kiêm nhiệm** | **Tổng** | **>ĐH** | **ĐH** | **CĐ** | **Trung cấp** | **Sơ cấp** | **Tổng** | **> ĐH** | **ĐH** | **CĐ** | **Trung cấp** | **Sơ cấp** | **Tên chuyên ngành khác** |
| 1 | HĐND, UBND và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện (132) |  | 132 | 06 |  | 03 |  | 03 |  | 126 | 01 | 97 | 13 | 14 | 01 | - Thạc sĩ vi sinh.  - Đại học Hành chính; Điện; Nông nghiệp; Xây dựng; Luật; Kinh tế; Sư phạm; Kế toán; Văn hóa; Trồng Trọt; Du lịch; Công nghệ sinh học; Kỹ thuật Môi trường; Tài chính Ngân hàng; Xã hội học; Quản trị kinh doanh; Công nghệ thông tin.  - Cao đẳng Công nghệ thực phẩm; Quản trị văn phòng.  - Trung cấp LĐTB, XH; hộ sinh; Y sĩ… |
| 2 | Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân; Công an, Ban Chỉ huy quân sự huyện và các cơ quan, tổ chức Trung ương được tổ chức, hoạt động theo ngành dọc ở cấp huyện (132) |  | 132 | 04 |  |  | 01 | 03 |  | 127 |  | 63 | 08 | 37 | 19 | - Đại học: Luật; Ngoại ngữ; CNTT; Xây dựng; Công đoàn; Hành chính; Quản trị kinh doanh; Kế toán;  - Trung cấp: Thuế; HCVP; |